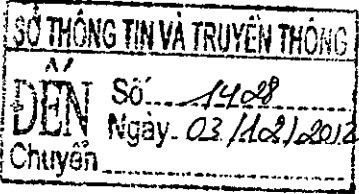


Số: 1498/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 30 tháng 11 năm 2012



QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch hành động chiến lược
tăng trưởng xanh tỉnh Lai Châu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường năm 2005;

Căn cứ Chiến lược BVMT quốc gia đến 2020, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh;

Căn cứ Kế hoạch hành động đa dạng sinh học tỉnh Lai Châu đến 2015, định hướng 2020;

Căn cứ Quyết định số 1071/QĐ-UBND ngày 10/10/2012 về việc ban hành kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Lai Châu;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 832/KHĐT-KTN ngày 12/11/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động chiến lược tăng trưởng xanh tỉnh Lai Châu (*Kế hoạch chi tiết kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký, Chánh Văn phòng UBND Tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Nông nghiệp và PTNT; Tài nguyên Môi trường; Giao thông Vận tải; Khoa học Công nghệ; Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

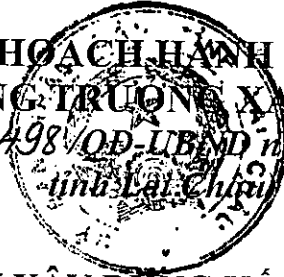


Lê Trọng Quảng

Produced with ScanTOPDF



KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG XANH TỈNH LAI CHÂU
(Kèm theo Quyết định số 1498/QĐ-UBND ngày 30/11/2012 của UBND
tỉnh Lai Châu)



I. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

- Luật Bảo vệ Môi trường năm 2005;
- Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến 2020, tầm nhìn 2030;
- Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh;
- Quyết định số 87/2006/QĐ-TTg ngày 20/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch phát triển KTXH tỉnh Lai Châu thời kỳ 2006-2020;
- Căn cứ quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh;
- Kế hoạch hành động đa dạng sinh học tỉnh Lai Châu đến 2015, định hướng 2020;
- Quyết định số 1071/QĐ-UBND ngày 10/10/2012 về việc ban hành kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Lai Châu;
- Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 20/8/2012 về việc phê duyệt quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lai Châu giai đoạn 2011-2020.

II. QUAN ĐIỂM TĂNG TRƯỞNG XANH

- Tăng trưởng xanh gắn với chiến lược phát triển bền vững.
- Tăng trưởng xanh phải góp phần tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân.
- Tăng trưởng xanh phải gắn với bảo tồn, phát triển và sử dụng hiệu quả nguồn vốn tự nhiên, giảm phát thải khí nhà kính, cải thiện nâng cao chất lượng môi trường, kích thích tăng trưởng kinh tế.
- Tăng trưởng xanh phải dựa trên cơ sở khoa học và công nghệ tiên tiến, phù hợp với điều kiện của địa phương.
- Coi trọng tính hiệu quả, bền vững trong khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên; bảo tồn đa dạng sinh học.

III. MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG XANH

1. Mục tiêu chung.

Xanh hóa các ngành kinh tế hiện có, khuyến khích phát triển các ngành kinh tế sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên với giá trị gia tăng cao. Ứng dụng ngày càng rộng rãi công nghệ tiên tiến nhằm sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, giảm cường độ phát thải khí nhà kính, góp phần ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu. Nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng lối sống thân thiện với môi trường.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020.

- Giá trị sản phẩm tạo ra từ công nghệ xanh chiếm 42% đến 45% GDP.
- 80% các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường.
- Trên 70% đô thị cấp III, IV, V có hệ thống thu gom và xử lý nước thải, rác thải đạt tiêu chuẩn.
- 100% các đô thị có diện tích cây xanh đạt tiêu chuẩn.
- 100% các xã, phường, thị trấn có các điểm thu gom rác thải, nước thải.
- 100% chất thải y tế được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.
- 95% chất thải rắn đô thị, 75% chất thải rắn nông thôn được thu gom.
- 80% chất thải nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn.
- Trên 90% các cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm thiểu ô nhiễm.
- 90% cơ sở kinh doanh được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường.
- Nâng độ che phủ rừng lên trên 50%.

IV. KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, khuyến khích hỗ trợ thực hiện.

- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của nhân dân, cộng đồng về bảo vệ môi trường, cơ sở pháp luật, các chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước về sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học.
- Khuyến khích đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất thiết bị, dụng cụ bảo vệ môi trường; sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thân thiện với môi trường; cung cấp dịch vụ bảo vệ môi trường.
- Khuyến khích và hỗ trợ các cộng đồng phát triển mô hình đô thị sinh thái, nông thôn xanh, mô hình nhà ở xanh, mô hình phân loại rác thải tại nguồn theo phương pháp giảm thiểu - tái chế - tái sử dụng.
- Khuyến khích xây dựng bản, làng, cơ quan, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thân thiện với môi trường.

2. Nâng cao hiệu suất và hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm mức tiêu hao năng lượng trong hoạt động sản xuất, vận tải.

- Phát triển hệ thống vận chuyển hành khách công cộng, vận tải hành khách khối lượng lớn nhằm cải thiện điều kiện đi lại cho nhân dân, cải thiện điều kiện môi trường.

- Xây dựng và phát triển hệ thống giao thông thủy nội địa.

- Phổ biến, tuyên truyền kỹ năng lái xe tiết kiệm nhiên liệu và thân thiện với môi trường, nâng cao ý thức tiết kiệm nhiên liệu trong giao thông vận tải.

- Kiểm định các phương tiện giao thông định kỳ, loại bỏ các thiết bị hết niên hạn sử dụng.

3. Thay đổi cơ cấu nhiên liệu trong công nghiệp và giao thông vận tải.

Sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo để thay thế các nhiên liệu truyền thống (CNG, LPG, LNG, nhiên liệu sinh học, năng lượng điện, năng lượng có tiềm năng khác) đối với phương tiện giao thông nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng.

4. Giảm phát khí thải thông qua phát triển nông nghiệp xanh, sạch, bền vững, nâng cao tính cạnh tranh của sản xuất nông nghiệp.

a. Nông nghiệp.

- Tập trung nguồn lực thực hiện cải tạo, thâm canh các dự án cánh đồng tập trung để đưa tiến bộ khoa học vào sản xuất và áp dụng các tiêu chuẩn sản xuất sạch theo tiêu chuẩn của VietGAP.

- Cải tạo, phát triển các khu ruộng bậc thang, nhằm tôn vinh truyền thống canh tác tiến bộ của đồng bào nhân dân các dân tộc miền núi, quảng bá bản sắc văn hóa vùng cao và đặc biệt là đảm bảo canh tác bền vững trên đất dốc, tránh rửa trôi, sới mòn, ổn định năng suất cây trồng cho nhân dân.

- Phát triển các vùng rau, mầu, thực phẩm sạch nhằm đảm bảo sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường bền vững.

- Bảo tồn và phát triển nguồn gen bản địa, lai tạo, nhập nội các nguồn gen có giá trị kinh tế và có lợi cho môi trường.

- Định hướng xây dựng các cơ sở chăn nuôi có quy mô, gia trại, trang trại, cơ sở sản xuất giống vật nuôi, cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi phải được xây dựng ở vùng nông thôn, ngoài khu tập trung dân cư và phải có hệ thống xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, thân thiện với môi trường; quy hoạch các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm theo tiêu chuẩn tránh gây ô nhiễm môi trường.

b. Lâm nghiệp.

- Phát triển lâm nghiệp một cách bền vững trên cơ sở phát triển đồng bộ từ khâu lâm sinh xây dựng vốn rừng đến khai thác, chế biến, dịch vụ và công tác tổ chức quản lý. Đưa lâm nghiệp trở thành ngành có đóng góp quan trọng trong nền kinh tế của tỉnh, góp phần xoá đói, giảm nghèo, bảo vệ môi trường.

- Lấy nhiệm vụ bảo vệ, khôi phục rừng phòng hộ đầu nguồn làm trọng tâm. Trong đó chú trọng giải pháp khoanh nuôi tái sinh tự nhiên. Phát triển hệ thống rừng phòng hộ môi trường gắn với du lịch sinh thái.

- Khai thác tiềm năng đất trống đồi trọc, đẩy mạnh phát triển rừng sản xuất, nâng cao chất lượng rừng hiện có, xây dựng vùng nguyên liệu có quy mô tập trung gắn với công nghiệp chế biến lâm sản làm tăng giá trị sản phẩm lâm nghiệp. Tiếp tục quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng đặc dụng, bảo tồn đa dạng sinh học theo hướng phát triển bền vững.

- Rà soát, hoàn thiện công tác giao đất lâm nghiệp, khoán rừng và cho thuê rừng nhằm đảm bảo các khu rừng đều có chủ quản lý, đồng thời tiến hành quy hoạch, rà soát, phân loại rừng để xây dựng kế hoạch, định hướng quản lý, sử dụng rừng đúng mục đích. Ngăn chặn có hiệu quả tình trạng lấn chiếm đất rừng trồng cây lương thực.

- Tập trung nghiên cứu tuyển chọn tập đoàn cây trồng, vật nuôi đa tác dụng, đẩy mạnh phát triển lâm sản ngoài gỗ nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế rừng. Phát triển kinh tế rừng phải gắn chặt với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh, đặc biệt là đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá gắn với chế biến và thị trường. Mở rộng liên kết giữa nông dân với các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế đầu tư bảo vệ rừng, trồng rừng, kinh doanh rừng, bao tiêu sản phẩm.

- Phát huy cao nội lực và các nguồn lực trong dân, đồng thời tranh thủ tối đa sự đầu tư của Trung ương, các nguồn đầu tư của nước ngoài và các tổ chức phi chính phủ, các thành phần kinh tế tham gia bảo vệ rừng, trồng rừng, phát triển nghề rừng và dịch vụ du lịch sinh thái.

5. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch các ngành sản xuất, dần hạn chế những ngành kinh tế phát sinh chất thải lớn, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, tạo điều kiện phát triển các ngành sản xuất xanh mới.

- Công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản: Hạn chế khai thác, chế biến thô sơ, không cấp phép khai thác vàng sa khoáng. Đến năm 2020 các cơ sở khai thác, các khu vực khoáng sản phục vụ cho phát triển công nghiệp khai thác phải

đảm bảo yêu cầu phát triển hiệu quả, bền vững, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái, các di sản thiên nhiên và di tích lịch sử, bảo vệ các công trình có vị trí chiến lược quốc gia như thủy điện Lai Châu, Bản Chát.

- Công nghiệp chế biến nông, lâm sản: Chú trọng đầu tư phát triển công nghiệp chế biến với công nghệ tiên tiến hiện đại đảm bảo chất lượng tốt phục vụ cho xuất khẩu, tiêu dùng gắn phát triển sản xuất với bảo vệ môi trường.

- Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: Loại bỏ các cơ sở sản xuất gạch đất nung thủ công, khuyến khích sản xuất gạch không nung. Tiếp tục đầu tư có chiều sâu, đổi mới công nghệ, trang thiết bị để phát huy năng lực của các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng hiện có, từng bước loại bỏ công nghệ lạc hậu, năng suất thấp, tiêu tốn năng lượng gây ô nhiễm môi trường.

- Công nghiệp thủy điện: Khi thiết kế và thi công công trình thủy điện cần phải xét đến yếu tố biến đổi khí hậu, xác định cấp công trình, tính toán kỹ thuật công trình, duy trì và phục hồi rừng đầu nguồn. Phải có kịch bản liên quan đến các sự cố đập, phương án phòng tránh, giảm nhẹ thiệt hại cho cộng đồng trong phạm vi ảnh hưởng của đập. Phát triển thủy điện cần phải chú ý đến chính sách tái định cư cho người dân bị di dời, nơi ở mới phải đảm bảo tốt hơn nơi ở cũ.

- Tiểu thủ công nghiệp và nghề truyền thống: Ưu tiên hỗ trợ đầu tư xây dựng các làng nghề truyền thống của địa phương như dệt thổ cẩm, miến dong, rượu... theo hướng đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Khu, cụm công nghiệp: Thu hút các dự án vào các lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến khoáng sản, chế biến nông lâm sản gắn với chương trình sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.

6. Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

- Khuyến khích các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh áp dụng rộng rãi công nghệ khoa học hiện đại và thực hành áp dụng sản xuất sạch hơn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nhiên liệu, vật liệu giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ ô nhiễm môi trường.

7. Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi.

a. Giao thông.

Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông theo hướng bền vững, tổ chức phân luồng giao thông hợp lý, áp dụng khoa học, công nghệ vào quản lý giao thông tại các khu đô thị.

b. Thủy lợi.

- Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của nhân dân về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác thủy lợi trong điều kiện biến đổi khí hậu toàn cầu và nước biển dâng, về mùa khô nguồn nước ngày càng cạn kiệt nhưng nhu cầu sử dụng ngày càng tăng, về mùa mưa các trận lũ lớn ngày càng khốc liệt hơn, trên cơ sở đó nâng cao tinh thần trách nhiệm trong đầu tư, quản lý khai thác, duy tu bảo dưỡng tốt các công trình thủy lợi.

- Quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn nước phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững theo hướng hiện đại hóa nhưng phải quan tâm hài hòa đến các nhu cầu khai thác, sử dụng cho các mục tiêu khác. Khai thác và sử dụng phải gắn liền với công tác bảo vệ, chống suy thoái cạn kiệt nguồn nước, tái tạo nguồn nước.

- Việc đầu tư hệ thống thủy lợi phải chú trọng kết hợp nhiều mục tiêu: Cấp nước sinh hoạt, nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là những nơi có thể nuôi cá nước lạnh tập trung, tưới ruộng nước và tưới cho cây công nghiệp, nhất là những nơi trồng chè tập trung, cây rau màu thực phẩm; từng bước áp dụng công nghệ tưới tiên tiến để tiết kiệm nước. Kết hợp giữa đầu tư hệ thống kênh mương với đầu tư hệ thống giao thông nội đồng.

- Vừa phát triển thủy lợi, mở rộng diện tích tăng vụ ở những vùng có điều kiện phục vụ phát triển kinh tế; vừa nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở những nơi thiếu nước, không đầu tư thủy lợi bằng mọi giá.

- Việc phát triển thủy lợi phải quan tâm đến việc đầu tư các hồ chứa để tích nước đảm bảo cung cấp nước trong mùa khô. Bảo vệ rừng đầu nguồn.

- Việc quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi: Củng cố các đơn vị quản lý, khai thác, bảo vệ các công trình thủy lợi, thực hiện tốt việc thu phí sử dụng nước, nâng cao ý thức sử dụng tiết kiệm nước của các tổ chức, cá nhân sử dụng nước và của toàn xã hội.

8. Đô thị hóa bền vững.

- Thực hiện nghiêm túc các văn bản, quy định về quy hoạch xây dựng. Tuyên truyền hướng dẫn nhằm nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền và nhân dân về công tác quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

- Đa dạng hóa các hình thức công khai quy hoạch, công bố quy hoạch để nhân dân tiếp cận được các thông tin về quy hoạch đô thị.

- Tăng cường năng lực, bố trí đủ cán bộ quản lý quy hoạch tại địa phương.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng và thực hiện xây dựng theo quy hoạch.

- Hoàn thiện quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết tại các đô thị, quy hoạch các điểm dân cư nông thôn.

9. Xây dựng nông thôn mới với lối sống hòa hợp với môi trường.

- Hỗ trợ thực hiện mô hình sản xuất theo chu trình sinh thái khép kín, ít chất thải. Đảm bảo đến năm 2020, hầu hết rác thải nông thôn được phân loại, thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn môi trường, sử dụng rác để cung cấp năng lượng, phân bón hữu cơ, vật liệu xây dựng.

- Cung cấp giải pháp xây dựng công trình kinh tế và dân sinh thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu và chủ động phòng ngừa tác hại của thiên tai.

- Khuyến khích tổ chức, cá nhân tiêu dùng các loại sản phẩm tái chế từ chất thải, sản phẩm hữu cơ, bao gói dễ phân huỷ trong tự nhiên, sản phẩm được cấp nhãn sinh thái và sản phẩm khác thân thiện với môi trường.

10. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, đổi mới công nghệ, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ KH&CN, công nhân lành nghề của đơn vị mình.

- Đa dạng hóa việc tạo nguồn kinh phí cho các hoạt động khoa học để tăng nhanh nguồn vốn đầu tư cho hoạt động nghiên cứu triển khai, chuyển giao công nghệ. Nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học, tập trung cho công tác nghiên cứu triển khai và dịch vụ khoa học.

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực KH&CN, hoàn thiện chính sách thu hút và sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật phù hợp và hiệu quả. Đẩy mạnh hợp tác KH&CN trong và ngoài nước, tổ chức các cuộc hội thảo khoa học,... Chú trọng đào tạo nguồn lực cán bộ KH&CN có trình độ cao, chuyên gia đầu ngành, bồi dưỡng và đào tạo công nhân và kỹ thuật viên lành nghề cho các lĩnh vực KH&CN và các ngành chủ lực trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

11. Nghiên cứu phát triển khoa học và công nghệ, ban hành hệ thống tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật và thông tin dữ liệu về tăng trưởng xanh.

- Thu hút và tập trung nghiên cứu các đề án, đề tài khoa học, sáng kiến khoa học cấp tỉnh vào nhiệm vụ tiết kiệm nhiên liệu, sử dụng năng lượng sạch.

- Tập trung xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu và công cụ quản lý, bộ chỉ số tiêu chuẩn, quy chuẩn về tăng trưởng xanh phù hợp với điều kiện của tỉnh.

12. Nghiên cứu quy luật và tác động của các hiện tượng tự nhiên, khí hậu, thời tiết, các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế xã hội của tỉnh.

Thực hiện nghiêm chỉnh kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Lai Châu đã được phê duyệt với các giải pháp chính như sau:

- Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác phòng chống và giảm nhẹ thiên tai. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn; Ban chỉ huy Phòng chống, chữa cháy rừng, tổ chức diễn tập PCLB, tìm kiếm cứu hộ và diễn tập phòng chống, chữa cháy rừng hàng năm.

- Thực hiện di chuyển dân cư khỏi vùng có nguy cơ cao sảy ra lũ quét, sạt lở đất đồng thời nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo lũ quét.

- Lòng ghép các kế hoạch ứng phó BĐKH vào quy hoạch phát triển tổng thể của tỉnh. Phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành trong ứng phó với BĐKH.

- Xây dựng kế hoạch truyền thông và tăng cường năng lực ứng phó BĐKH cho tỉnh. Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Tuyên truyền các giải pháp chiến lược ứng phó với với Biến đổi khí hậu, điều chỉnh các hệ thống tự nhiên và con người để phù hợp với môi trường, khí hậu thay đổi, nhằm ứng phó với những tác động hiện tại hoặc tương lai.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch liên tịch với các ngành kế hoạch, giáo dục, y tế, Chữ thập đỏ, Đoàn thanh niên, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể quần chúng để phối hợp ký kết liên tịch triển khai chương trình hành động về biến đổi khí hậu. Tổ chức các cuộc hội thi, hội diễn, các cuộc thi sáng tác ca khúc về môi trường, sáng tác kịch bản, in ấn tài liệu, tờ rơi, phát thanh xe loa, hỗ trợ công tác phí cho cán bộ các cấp tổ chức các cuộc vận động, tuyên truyền nâng cao kiến thức cộng đồng và các biện pháp thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu.

- Nâng cao năng lực cho các cán bộ chuyên trách, cán bộ lập kế hoạch của tỉnh về BĐKH và các kỹ năng lòng ghép các chiến lược, chương trình, kế hoạch ứng phó BĐKH vào các kế hoạch phát triển ngành.

- Xây dựng mô hình thí điểm ứng phó BĐKH dựa vào cộng đồng

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về cơ chế chính sách.

- Hoàn thiện cơ chế chính sách sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn góp phần thúc đẩy tăng trưởng xanh.

- Xây dựng chính sách khuyến khích thu hút các doanh nghiệp đầu tư trang thiết bị hiện đại, sản xuất các loại sản phẩm đảm bảo vệ sinh môi trường, phế liệu có khả năng tái chế hoặc được chôn lấp an toàn.

- Sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản, ưu tiên hỗ trợ các nội dung sản xuất áp dụng quy trình sản xuất xanh.

- Hoàn thiện chính sách thu hút và sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật phù hợp và hiệu quả. Đẩy mạnh hợp tác KH&CN trong và ngoài nước, tổ chức các cuộc hội thảo khoa học về tăng trưởng xanh.

2. Tăng cường các nguồn lực tài chính để thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh.

- Ưu tiên nguồn vốn ngân sách để tập trung đầu tư cho phát triển tiềm lực KH&CN, hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong đổi mới và phát triển công nghệ theo các định hướng tăng trưởng xanh của tỉnh.

- Tập trung vốn cho các chương trình, dự án KH&CN trọng điểm, ưu tiên các dự án xây dựng tiềm lực KH&CN, xây dựng các mô hình và nhân rộng các mô hình tăng trưởng xanh.

- Tăng cường các chính sách ưu đãi, trợ giá, hỗ trợ về đất đai, tài chính, tín dụng cho hoạt động bảo vệ môi trường, đặc biệt là trong việc khắc phục ô nhiễm, phục hồi, cải thiện môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

- Kêu gọi các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước đầu tư vào các lĩnh vực tăng trưởng xanh.

3. Tăng cường năng lực quản lý thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh.

- Tiếp tục kiện toàn, củng cố hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về tăng trưởng xanh từ cấp tỉnh đến huyện, xã theo hướng nâng cao năng lực thực thi chiến lược tăng trưởng xanh và các hoạt động bảo vệ môi trường.

- Chú trọng đào tạo nguồn lực cán bộ KH&CN có trình độ cao, chuyên gia đầu ngành, bồi dưỡng và đào tạo công nhân và kỹ thuật viên lành nghề cho các lĩnh vực KH&CN và các ngành chủ lực trong phát triển KTXH của tỉnh.

4. Nâng cao vai trò, trách nhiệm, tăng cường sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị, tổ chức xã hội để thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh.

- Triển khai rộng rãi đến nhân dân và doanh nghiệp các chương trình, kế hoạch nhằm thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh và tăng tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo, xanh hóa lối sống và thực hiện tiêu dùng bền vững.

- Thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, kết hợp với đa dạng hoá sinh kế cho người dân địa phương.

- Đẩy mạnh phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo đảm mọi người dân, doanh nghiệp hiểu đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật, yêu cầu, tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường; nhận thức đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ môi trường và có ý thức thực hiện trên thực tế.

- Tuyên truyền, vận động xây dựng lối sống thân thiện với môi trường, tiêu dùng bền vững, hình thành ý thức bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh trong nhân dân.

5. Tăng cường vai trò và tác động của khoa học và công nghệ, đẩy mạnh đổi mới công nghệ để thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh.

- Mỗi năm nghiên cứu và đưa vào ứng dụng từ 10 đến 15 đề tài, dự án về khoa học công nghệ, từ 15 đến 20 sáng kiến khoa học cấp tỉnh về lĩnh vực tiết kiệm nhiên liệu và sử dụng năng lượng sạch.

- Hướng dẫn doanh nghiệp cách thức tiếp cận công nghệ, sản xuất sạch hơn để thực hiện công nghiệp xanh.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn kiến thức và kỹ năng cho cán bộ quản lý và các doanh nghiệp về tăng trưởng xanh.

- Tăng cường công tác ứng dụng công nghệ tiên tiến về bảo vệ môi trường; xây dựng mô hình thí điểm và triển khai các mô hình công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường.

6. Mở rộng hợp tác với các tỉnh, thành trong nước và quốc tế để thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh.

- Mở rộng hợp tác với các tổ chức KH&CN của Trung ương, viện nghiên cứu hàng đầu trong cả nước. Khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nhà khoa học, các chuyên gia công nghệ tiếp cận với thực tiễn sản xuất và đời sống của tỉnh để họ góp phần phát hiện các vấn đề trước mắt cũng như lâu dài về tăng trưởng xanh.

- Tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác KH&CN với bên ngoài nhằm tranh thủ thu hút các nguồn lực trong nước và quốc tế phát triển KH&CN Lai Châu, học hỏi những kinh nghiệm có ích và từng bước mở rộng sự tham gia của KH&CN Lai Châu vào giải quyết các vấn đề chung.

VI. PHÂN KỲ THỰC HIỆN

1. Giai đoạn 2011 – 2020.

Tuyên truyền nâng cao nhận thức, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Xây dựng cơ chế chính sách, bộ máy quản lý thực hiện chiến lược; xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu và công cụ quản lý, bộ chỉ số tiêu chuẩn, quy chuẩn về tăng trưởng xanh; xác định các dự án trọng điểm về tăng trưởng xanh, xanh hóa các ngành sản xuất, một số dự án thí điểm về quy hoạch tổng thể kế hoạch phát triển KTXH định hướng tăng trưởng xanh.

2. Giai đoạn 2021 – 2030.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách thực hiện kế hoạch tăng trưởng xanh, điều chỉnh và nâng quy mô triển khai trên cơ sở định kỳ theo dõi, đánh giá; Mở rộng quy mô thí điểm và nhân rộng các quy hoạch tổng thể, các chương trình, dự án trọng điểm; Đẩy mạnh quá trình tái cơ cấu nền kinh tế theo mô hình nền kinh tế xanh.

3. Giai đoạn 2031 – 2050.

Duy trì bền vững những nội dung về chiến lược tăng trưởng xanh đã thực hiện được ở giai đoạn trước. Tiếp tục rà soát, đánh giá và hoàn thiện các mục tiêu đang triển khai thực hiện.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Là cơ quan đầu mối về tăng trưởng xanh, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã triển khai thực hiện kế hoạch hành động tăng trưởng xanh; Cân đối, vận động, thu hút để đảm bảo nguồn vốn thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu trong chiến lược.

- Định kỳ hàng năm đánh giá, sơ kết kết quả thực hiện chiến lược.

2. Sở Tài chính.

Chủ trì phối hợp với các sở, ngành xây dựng và trình phê duyệt dự toán, đảm bảo kinh phí cho việc thực hiện chiến lược; xây dựng các cơ chế, chính sách quản lý, hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện chiến lược.

3. Sở Tài nguyên Môi trường.

Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tăng trưởng xanh.

4. Sở Thông tin Truyền thông.

Xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của nhân dân, cộng đồng về bảo vệ môi trường, cơ sở pháp luật, các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học.

5. Các sở, ban, ngành có liên quan.

- Xây dựng chương trình/kế hoạch thực hiện của ngành; bố trí nguồn lực để tổ chức thực hiện có hiệu quả chiến lược; chủ động tham gia các hoạt động phối hợp chung theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

- Lồng ghép các nội dung của chiến lược trong quá trình hoạch định chính sách; xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển của địa phương, ngành mình;

- Chủ trì, phối hợp để xây dựng các chỉ tiêu tăng trưởng xanh của ngành phù hợp với điều kiện, đặc thù phát triển của ngành mình; tổ chức giám sát, đánh giá các mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng xanh thuộc lĩnh vực quản lý;

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, công chức về tinh thần và nội dung của chiến lược;

- Định kỳ hàng năm xây dựng báo cáo kết quả thực hiện chiến lược, tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu thuộc lĩnh vực quản lý.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh xây dựng chương trình/kế hoạch hành động của địa phương; bố trí nguồn lực để tổ chức thực hiện có hiệu quả chiến lược.

- Lồng ghép các nội dung của chiến lược trong quá trình hoạch định chính sách; xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển của địa phương.

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân về chiến lược và chương trình/kế hoạch hành động thực hiện chiến lược.

- Tổ chức giám sát, đánh giá mục tiêu, chỉ tiêu trên địa bàn huyện, thị xã,

- Xây dựng và triển khai các mô hình thí điểm về tăng trưởng xanh tại địa phương phù hợp với đặc tính tập quán, trình độ nhận thức của người dân để phổ biến, nhân rộng.

- Định kỳ hàng năm xây dựng báo cáo kết quả thực hiện chiến lược, tình hình thực hiện các chỉ tiêu.

6. Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

- Chủ động xây dựng kế hoạch hành động và tham gia triển khai thực hiện chiến lược trong phạm vi chức năng và hoạt động.

- Tuyên truyền, vận động, huy động sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân trong việc triển khai thực hiện chiến lược.

- Định kỳ hàng năm xây dựng báo cáo kết quả thực hiện.
